TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 55 /2019/QĐST – DS.	*N, ngày 15 tháng 11 năm 2019.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 11 năm 2019 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 46/2019/TLST – DS ngày 18 tháng 02 năm 2019;

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S; Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Th – Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Mai Xuân H - Giám đốc Chi nhánh Kon Tum, ủy quyền lại cho ông Huỳnh Văn Th – Phó giám đốc Chi nhánh Kon Tum; (Theo các văn bản ủy quyền số 4021/2018/GUQ-PL ngày 10/12/2018 và số 01/2019/GUQ-CNKT ngày 02/01/2019);

Địa chỉ: Số X, đường T, phường Th, thành phố K, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Ông Tạ Văn B; Địa chỉ cũ: Tổ B, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; Đã thay đổi địa chỉ mới: Tổ S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Tạ Thị H; Địa chỉ: Thôn K, xã Đ, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Anh Tạ Hoài Ph; Chị Tạ Thị O; Chị Tạ Thu Th; Anh Tạ Đình Th; Anh Tạ Đình L; Cùng địa chỉ: Tổ S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum;

Bà Nguyễn Thị B; Người được chỉ định làm giám hộ cho bà Nguyễn Thị B là ông Nguyễn Duy Kh (con đẻ); Cùng địa chỉ: Ngõ L, thôn Ch, xã B, huyện Th, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo ủy quyền của chị H, anh Ph, chị O, chị Th, anh Th, anh L, bà B (ông Kh giám hộ) là ông Tạ Văn B; Địa chỉ: Tổ S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum; (Theo các văn bản ủy quyền ngày 05/7/2019 và ngày 25/10/2019);

2.Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc thanh toán nợ vay:

Ngày 27-12-2017 giữa Ngân hàng TMCP S – Chi nhánh Kon Tum, phòng giao dịch N với vợ chồng ông Tạ Văn B và Nguyễn Thị D ký kết hợp đồng tín dụng số LD1736100263, đến ngày 10/01/2018 phía Ngân hàng đã giải ngân cho ông B và bà D vay số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn sản xuất nông nghiệp. Mức lãi suất cho vay trong hạn 10,5%/năm, mức lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn.

Tính đến hết ngày 15/11/2019 ông Tạ Văn B và Nguyễn Thị D còn nợ Ngân hàng: Nợ gốc 150.000.000đ; nợ lãi trong hạn 13.849.046đ; Nợ lãi quá hạn 6.752.055đ .Tổng cộng cả nợ gốc và lãi là 170.601.100đ (Một trăm bảy mươi triệu, sáu trăm linh một nghìn, một trăm đồng). Bà D đã chết vào ngày 17/02/2018 nên ông Tạ Văn B nhận trách nhiệm trả toàn bộ số nợ chung của ông bà là 170.601.100đ cho Ngân hàng TMCP S, thời gian trả nợ vào ngày 15/11/2019.

2.2 Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự và Án lệ số 08/2016/AL được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17-10-2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao: Công nhận thỏa thuận của các đương sự: Kể từ 16/11/2019 nếu ông Tạ Văn B chậm thanh toán tiền thì phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn của số tiền nợ gốc chậm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thi hành xong nợ. Bên vay phải chịu sự điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay. Mức lãi suất Tòa án quyết định cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.3 Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Nếu hết ngày 15/11/2019 ông Tạ Văn B không trả đủ tiền cho Ngân hàng TMCP S số tiền xác định trên, thì Ngân hàng TMCP S được quyền yêu cầu Cơ

quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là thửa đất số 21b1, tờ bản đồ số 63, địa chỉ thửa đất: Tổ S, thị trấn P, huyện N, tỉnh Kon Tum, quyền sử dụng đất số BC 733788 mang tên ông Tạ Văn B và bà Nguyễn Thị D, cấp ngày 31/10/2011 và tài sản gắn liền với đất, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 528/2017/HĐTC/PGĐNH, ngày 10/01/2018 để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm xử lý không đủ thu hồi nợ thì ông Tạ Văn B có trách nhiệm tiếp tục trả số tiền còn thiếu.

***2.4 Về án phí**:*

Căn cứ Điều 144, khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 và danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội: Ông Tạ Văn B phải nộp 4.265.000đ (*Bốn triệu hai trăm sáu mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, để nộp ngân sách Nhà nước. Ngân hàng TMCP S được nhận lại 3.770.000đ (*Ba triệu bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0000231 ngày 18/02/2019 của chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Kon Tum.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Nguyên đơn;
- Bị đơn;
-Những người liên quan;
-VKSND huyện, tỉnh;
- THADS huyện;
-Lưu: HSVA.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hảo